

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.

2. Ông Từ Xuân Tiêng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thụy Hồng P, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ A, xã Long M, huyện X, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ A, xã Long M, huyện X, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thụy Hồng P trình bày:

Bà và ông Lê Văn N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long M, huyện X, tỉnh Bến Tre vào năm 1997. Chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu say về nhà vô cớ gây sự với bà dẫn đến cự cãi, thậm chí ông N còn đánh đập bà nhiều lần làm gia đình không còn hạnh phúc. Tuy không còn tình cảm với chồng nhưng vì thương con nên bà đã cố gắng chịu đựng. Từ năm 2003 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Giữa bà với ông N không còn tình cảm, quan tâm, giúp đỡ nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Giữa bà và ông N có 02 con chung tên là Lê Thanh V, sinh ngày 14/9/1993 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/02/1995. Các con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống.

Về tài sản chung: Không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà P khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn N là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã Long M, huyện X nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Phạm Thụy Hồng P và ông Lê Văn N chung sống từ năm 1992 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Long M, huyện X, tỉnh Bến Tre vào năm 1997. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà P cho rằng sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N thường xuyên nhậu say về nhà chửi mắng, đánh đập vợ. Bà đã cố gắng chịu đựng sống vì con nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà xin được ly hôn với ông N. Xét thấy, tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Nhưng giữa bà P và ông N lại xảy ra mâu thuẫn, ông N thường xuyên nhậu say về chửi mắng, đánh đập vợ. Đối chiếu với quy định trên thì ông N đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình. Bên cạnh đó, bà P cho rằng từ năm 2003 đến nay, bà và ông N đã sống ly thân và hiện tại bà không còn tình cảm với ông N. Ngoài ra, theo chứng cứ thu thập được thể hiện: trong quá trình chung sống, giữa bà P và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do ông N mỗi lần nhậu say về nhà la hét, chửi mắng bà P. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà P và ông N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Bà P và ông N có 02 con chung là Lê Thanh V, sinh ngày 14/9/1993 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/02/1995. Các con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống.

[4] Về tài sản chung: Bà P không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà P khai không có.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu là 300.000 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thụy Hồng P, xử cho bà Phạm Thụy Hồng P được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà P và ông N có 02 con chung là Lê Thanh V, sinh ngày 14/9/1993 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 22/02/1995. Các con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống.

Về tài sản chung: Bà P không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thụy Hồng P phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0012991 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà P đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện X;
- CCTHADS huyện X;
- UBND xã Long M;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Thị Gấm